

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG HỒ  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HN - ST

Ngày: 21 - 02 - 2020

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Ngọc Tú

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Anh Dũng

2. Ông Trần Thanh Khen

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Tuyết Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Tấn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 518/2019/TLST - DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp “ ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST - HN ngày 10 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị Cô L, sinh năm 1993 (có mặt).

Trú tại: ấp Ô TB, xã CD, huyện CK, tỉnh Trà Vinh

*2. Bị đơn:* Anh Đặng Minh T, sinh năm 1989 (vắng mặt ).

Trú tại: Số 217/12 ấp PT, xã ĐP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 16/10/2019, đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ngày 24/12/2019 và tại phiên tòa - nguyên đơn chị Thạch Thị Cô L trình bày:

Chị kết hôn với anh Đặng Minh T vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Điền, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh vào ngày 24/7/2012. Sau khi kết hôn, chị và anh T sống chung với gia đình chị được một năm, sau đó vợ chồng đi làm và thuê nhà trọ sống tại Thành Phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra cự cãi do anh T không lo làm ăn, chị thường xuyên bị anh T đánh đập. Từ năm 2014, chị Cô L và anh T không sống chung với nhau, vợ chồng không còn liên lạc, không ai quan tâm chăm sóc gì với nhau, mạnh người nào người đó sống. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, nên chị Cô L yêu cầu ly hôn với anh Đặng Minh T.

Về nuôi con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Đặng Thạch Như Q, sinh ngày 06/7/2010 hiện đang sống chung với chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Minh T không có văn bản nêu ý kiến về các yêu cầu của chị L.

### **Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ:**

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

*\* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 197 BLTTDS năm 2015.

- Việc xác định tư cách những người tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 BLTTDS

- Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh tình trạng hôn nhân đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

*\* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

- Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được triệu hợp lệ, nhưng không có ý kiến và có mặt tại Tòa án để giải quyết là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 12, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: cho chị Thạch Thị Cô L ly hôn với anh Đặng Minh T

- Về nuôi con chung: Giao cháu Đặng Thạch Như Q, sinh ngày 06/7/2010 cho chị Cô L tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Cô L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết, nên không xét

- Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

- Về án phí: Buộc chị L nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng miễn tiền án phí cho chị L do chị L là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “ly hôn, nuôi con”, do bị đơn hiện còn đăng ký thường trú tại ấp Phú Thạnh 1, xã Đồng Phú, huyện Long Hồ. Căn cứ vào quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Đặng Minh T có đăng ký thường trú tại ấp Phú Thạnh 1, xã Đồng Phú, huyện Long Hồ, nhưng hiện nay anh T không còn sinh sống tại nơi trú trên mà không thông báo cho chị Cô L nơi cư trú mới là cố tình giấu địa chỉ, nên Tòa án tiếp tục xét xử theo quy định của pháp luật. Anh T được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đặng Minh T theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 502, do Ủy ban nhân dân xã Châu Điền, huyện Cầu Kè cấp ngày 24/7/2012 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Cô L và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Cô L và anh T đã có nhiều bất hòa, mâu thuẫn trầm trọng. Trên thực tế, đời sống hôn nhân giữa chị L và anh T không còn gắn bó, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không sống chung từ năm 2014 đến nay là khoảng thời gian khá dài nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T đã được triệu tập tham gia các phiên hòa giải nhưng không tham gia cũng không có văn bản nêu ý kiến về các yêu cầu của chị Cô L, nên không có khả năng hàn gắn. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình yêu cầu ly hôn của chị L là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Xét, yêu cầu của chị L yêu cầu được nuôi cháu Đặng Thạch Như Q, sinh ngày 06/7/2010 là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ, cháu Q từ khi chị L và anh T không sống chung đến nay do chị L nuôi dưỡng, cháu Quỳnh cũng có nguyện sống với chị L; anh T không có ý kiến phản đối gì về yêu cầu nuôi con của chị L. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Như Q cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

[6] Nợ chung: Chị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Buộc chị L phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm. Tại phiên tòa, chị L có đơn xin miễn tiền án phí do chị L là người dân tộc Khơme sinh sống tại vùng xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn. Theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, yêu cầu của chị L là có cơ sở chấp nhận, Hội đồng xét xử miễn toàn bộ tiền án phí cho chị L.

[8] Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 12, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thạch Thị Cô L được ly hôn với anh Đặng Minh T.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Thạch Như Q, sinh ngày 06/7/2010 cho chị Thạch Thị Cô L tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Miễn tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm cho chị Thạch Thị Cô L.

Hoàn trả cho chị Thạch Thị Cô L số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005322 ngày 02/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đặng Minh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Đặng Thị Ngọc Tú**